

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2025/DS-ST
Ngày: 05-3-2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hồ Xuân Dũng;
- Bà Trương Thị Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 101/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 197/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Quảng Thị Hồng N, sinh năm: 1992 (vắng mặt, có Đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 13, thôn D, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Ông Trương Đình M, sinh năm: 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn chị Quảng Thị Hồng N trình bày:

Chị và ông Trương Đình M có quan hệ vay tài sản. Chị là bên cho vay còn ông M là bên vay. Ngày 06/12/2022, ông Trương Đình M vay chị 440.000.000 đồng. Khi vay các bên có viết Giấy mượn tiền. Các bên không thỏa thuận lãi suất nhưng có thỏa thuận thời hạn vay từ ngày 06/12/2022 đến ngày 06/02/2023. Sau khi vay, ông M không trả tiền cho chị. Tại thời điểm cho vay, chị đã ly hôn chồng. Số tiền cho vay là tài sản riêng của chị.

Chị yêu cầu Tòa án buộc ông M phải trả cho chị 440.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Trương Đình M vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Quảng Thị Hồng N. Buộc ông Trương Đình M phải trả cho chị Quảng Thị Hồng N số tiền 531.375.342 đồng (năm trăm ba mươi một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng). Trong đó tiền vay gốc là 440.000.000 đồng và tiền lãi là 91.375.342 đồng.

Về án phí: Buộc ông Trương Đình M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Quảng Thị Hồng N khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Trương Đình M có địa chỉ tại thôn Đ, xã N1, thị xã A, tỉnh Bình Định. Theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

[2] Tại phiên tòa, chị Quảng Thị Hồng N vắng mặt nhưng có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đồng thời, ông Trương Đình M được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N và ông M.

[3] Ông Trương Đình M đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định tại khoản 1 Điều 96, Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án

căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập để giải quyết vụ án.

[4] Chị N tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đã giao nộp cho Tòa án bản gốc Giấy mượn tiền đề ngày 06/12/2022 có chữ ký của bên mượn tiền là ông Trương Đình M. Theo quy định tại khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chứng cứ mà chị N đã giao nộp có giá trị chứng minh cho yêu cầu khởi kiện.

[5] Ông M mặc dù biết chị N khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản nhưng không phản đối bằng văn bản và không giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Do đó, việc ông M không phản đối yêu cầu khởi kiện của chị N là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Theo nội dung Giấy mượn tiền, chị N cho ông M vay 440.000.000 đồng tiền vay gốc, các bên không thỏa thuận lãi suất nhưng có thỏa thuận thời hạn vay từ ngày 06/12/2022 đến ngày 06/02/2023. Theo quy định tại khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự, Giấy mượn tiền đề ngày 06/12/2022 là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi.

[7] Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, ông M vay tiền của chị N thì phải trả đủ tiền khi đến hạn. Đã quá thời hạn theo thỏa thuận nhưng ông M không trả tiền nên chị N yêu cầu ông M phải trả toàn bộ số tiền vay gốc 440.000.000 đồng là phù hợp với khoản 1 Điều 466 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự (tức 10%/năm) trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Do đó, chị N yêu cầu tính lãi là có căn cứ chấp nhận. Từ ngày 06/02/2023 đến ngày xét xử (ngày 05/3/2025) là 758 ngày. Số tiền lãi chậm trả được tính: $\frac{440.000.000 \times 10\% \times 758}{365} \approx 91.375.342$ đồng. Như vậy tổng số tiền vay gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử là 531.375.342 đồng.

[9] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông Trương Đình M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Mức án phí được tính: $20.000.000 + 4\% \times (531.375.342 - 400.000.000) \approx 25.255.014$ đồng.

[10] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, khoản 1 Điều 96, Điều 97, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự;

- Áp dụng các khoản 1, 4 Điều 466, khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Quảng Thị Hồng N.

2. Buộc ông Trương Đình M phải trả cho chị Quảng Thị Hồng N số tiền 531.375.342 đồng (Năm trăm ba mươi một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng). Trong đó tiền vay gốc là 440.000.000 đồng và tiền lãi là 91.375.342 đồng.

Kể từ sau ngày xét xử (ngày 05/3/2025), ông Trương Đình M còn phải chịu tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền vay gốc tương ứng với thời gian chậm trả tiền vay gốc.

3. Về án phí: Buộc ông Trương Đình M phải chịu 25.255.014 đồng (Hai mươi lăm triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn không trăm mười bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Quảng Thị Hồng N 10.800.000 đồng (Mười triệu tám trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005639 ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

4. Quyền kháng cáo: Tất cả các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Phòng Thanh tra, Kiểm tra và Thi hành án TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Duy Minh